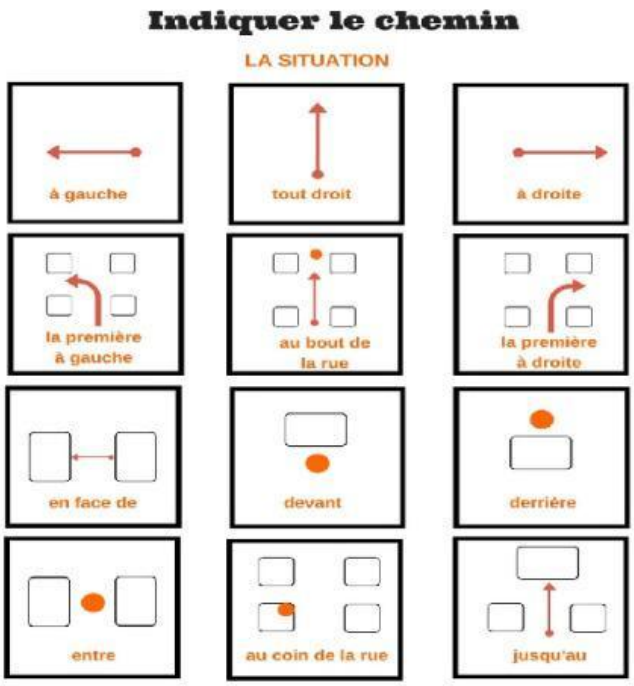
STT	Tiếng Pháp	Tiếng Việt
1.	à côté de	Bên cạnh
2.	en face de	Đối diện
3.	devant	Phía trước
4.	derrière	Phía sau
5.	entre … et …	Ở giữa … và …
6.	à droite de	Ở bên phải của
7.	à gauche de	Ở bên trái của
8.	au bout de	Ở cuối của



LIVEWORKSHEETS